

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH BẾN TRE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 59/2025/QĐST-HNGĐ

B, ngày 29 tháng 4 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 147/2025/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2025, giữa:

- *Nguyên đơn*: Anh Trần Minh T, sinh năm 1992; Địa chỉ: số G ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn*: Chị Nguyễn Thị Bích N, sinh năm 1991; Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 4 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 4 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Trần Minh T và chị Nguyễn Thị Bích N.

2. Công nhận sự thoả thuận giữa các đương sự:

- Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Trần Minh T và chị Nguyễn Thị Bích N. Quan hệ hôn nhân theo giấy chứng nhận kết hôn số 13, quyền số 01, ngày 26/02/2013 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre chấm dứt kể từ ngày quyết định của Tòa án có hiệu lực.

- Về con chung: Anh Trần Minh T có quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Nguyễn Thúy A, sinh ngày 11/9/2014 và Trần Nguyễn Minh T1, sinh ngày 01/01/2017. Ghi nhận sự tự nguyện của anh T không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Chị Nguyễn Thị Bích N có quyền thăm nom con chung không ai được quyền ngăn cản. Khi có nhu cầu, vì lợi ích của con, hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

- Về án phí hôn nhân sơ thẩm do hòa giải thành nên giảm 50%: 150.000đ (một trăm năm mươi ngàn đồng), anh Trần Minh T tự nguyện chịu và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009166 ngày 10 tháng 3 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bến Tre. Sau khi khấu trừ, anh T còn được nhận lại số tiền 150.000đ (một trăm năm mươi ngàn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Chí Vũ